

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG ẢNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 5 năm 2025  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: Vừ A Sinh

2. Ông: Lương Văn Hưởng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:*  
Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường  
Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý  
số: 26/2025/TLST-HN&GD ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lò Thị N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Bản T, xã AT,  
huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

**Bị đơn:** Anh Lò Văn C, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Bản CE, xã AC, huyện  
Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 14/4/2025, bản tự khai và tại phiên tòa  
nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

1. **Về hôn nhân:** Tôi và anh Lò Văn C đăng ký kết hôn ngày 06/01/2014  
tại UBND xã AT, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên  
tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác  
động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh C về sinh sống tại bản CE, xã AC,  
huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống, tôi và anh C  
sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó anh C nghiện chất ma túy thường  
xuyên bỏ bê gia đình, vợ con. Tôi và hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải  
anh C nhiều lần nhưng anh C không đoạn tuyệt được với ma túy. Từ tháng  
8/2024 tôi và anh C sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,  
mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án

nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn C.

**2. Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 03 người con ng là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 và cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023. Hiện các cháu N, cháu Vân và cháu D đang sống cùng với ông bà nội tại bản CE, xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu N, V và cháu D đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh C không có.

**\* Bị đơn:** Tại bản tự khai ngày 23/4/2025 và tại phiên toà anh Lò Văn C trình bày:

**Về hôn nhân:** Tôi (C) và Chị Lò Thị N đăng ký kết hôn ngày 06/01/2014 tại UBND xã AT, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chung sống chúng tôi sống hoà thuận không xảy ra mâu thuẫn gì, chị N có đơn xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn lý do là do chị N tự bỏ nhà đi không về nữa.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và chị Lò Thị N có 03 người con là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 và cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là muốn được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

**\* Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Không có.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của Anh Lò Văn C; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị N, anh C và xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị N tại bản T, xã AT, huyện Mường Ảng; xác minh điều kiện kinh tế của anh Lò Văn C tại bản CE, xã AC, huyện Mường Ảng; 02 cháu Lò Thị Kim N, cháu Lò Ngọc V trình bày nguyên vọng.

**\* Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, Tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS N cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố Chị Lò Thị N được ly hôn Anh Lò Văn C.

- **Về con chung:** Giao 02 người con là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 cho anh Lò Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị N, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Chị N, anh C không có.

- **Án phí:** Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 1 khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị N.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, **ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng**. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Ngày 22/4/2025**, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt trực tiếp cho bị đơn là Anh Lò Văn C.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên họp tiếp cận, công **khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hoà giải không thành.**

**Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị N và anh C có mặt.**

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là Chị Lò Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như đơn khởi kiện; Bị đơn là Anh Lò Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

#### **[2] Nội dung vụ án:**

\* **Về hôn nhân:** Theo nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai của Chị Lò Thị N và Anh Lò Văn C tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N, anh C đăng ký kết hôn ngày ngày 06/01/2014 tại UBND xã AT, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận, đầm ấm, hạnh phúc được một thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị không tin tưởng lẫn nhau dẫn

đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ tháng 8 năm 2024 chị N bỏ về nhà bố mẹ ở anh, chị sống ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên toà chị N, anh C đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, không cùng muốn sống cùng nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phần của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị N. Tuyên xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lò Văn C.

**Về con chung:** Chị Lò Thị N và Anh Lò Văn C có 03 người con ng là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 và cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023.

Anh C có nguyện vọng sau khi ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị N có nguyện vọng là để 02 cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 cho anh Lò Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. còn cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 cháu Lò Thị Kim N, cháu Lò Ngọc V đang ở cùng với anh C, ông bà nội và được chăm sóc, học tập tốt, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu nên nên Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của anh C về việc giao nuôi con chung.

Cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023 hiện nay cháu chưa đủ 36 tháng tuổi chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi nên HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của chị N về việc giao nuôi con chung.

Chị N, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

**\* Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

**[3] Về án phí:** **Áp dụng** Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị N.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm **đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết** số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Lò Thị N: Chị Lò Thị N được ly hôn Anh Lò Văn C.

2. Về con chung:

Giao 02 người con là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 05/01/2014, cháu Lò Ngọc V, sinh ngày 30/10/2017 cho anh Lò Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Ngọc D, sinh ngày 04/3/2023 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh C, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C, chị N có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Chị N, anh C không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch chị Lò Thị N.

5. Quyền kháng cáo: Chị N, anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/5/2025).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Vân**